

Bản án số: 60/2023/HS-PT
Ngày: 29-8- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quang Cường

Các Thẩm phán: bà Đỗ Thị Duyên, ông Nguyễn Nhật Duật

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Đức Bình - Thư ký TAND tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng ninh tham gia phiên tòa:** bà Phạm Quỳnh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Tiến X do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: Nguyễn Tiến X, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1981 tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nơi thường trú: số nhà E, tổ G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc D và bà Nguyễn Thị D1; có vợ là Đặng Thị Hương T và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 25/01/2022 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử phạt hành chính 37.500.000 đồng và hình phạt bổ sung 140.000.000 đồng (bị cáo chưa thi hành); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 16/12/2022, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến X:** Luật sư Nguyễn Đình Đ, Văn phòng luật sư Kim Vĩnh A, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

- **Bị hại:** anh Trần Đức N, sinh năm 1986; nơi thường trú: thôn D, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, có mặt (hiện đang thi hành án tại trại giam X1 về tội “Đánh bạc”).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (vợ anh N); nơi thường trú: thôn D, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Tiến P, sinh năm 1969; trú tại: Bãi xe P, tổ dân phố G, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt (*có đơn đề nghị xử vắng mặt*).
2. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1977; trú tại: tổ dân phố G, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.
3. Chị Đặng Thị Hương T (*vợ bị cáo X*) sinh năm 1984; trú tại: Số E, tổ G, phường D, thành phố B, có mặt.
4. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1938; trú tại: thôn D, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.
5. Anh Phạm Trọng H, sinh năm 1990; trú tại: số G, N, thị trấn Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Trần Đức N, trú tại thôn D, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại địa chỉ như trên. Do có quen biết từ trước với Nguyễn Tiến X nên anh Trần Đức N đặt vấn đề nhờ X giúp anh N làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Mặc dù X không có khả năng làm được nhưng vẫn nhận lời giúp anh N. Sau đó, X gặp Lê Tiến P bàn về việc giúp anh N làm giấy tờ đất đai như trên. Thời điểm này, X và P làm công việc tự do, không liên quan đến thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Biết P không có khả năng làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng X vẫn giới thiệu với anh N về việc P có quen biết nhiều người ở tỉnh Quảng Ninh, có thể giúp N làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng đầu tháng 5/2021, P cùng người đàn ông tên H1 (*không rõ lai lịch, địa chỉ*) đi xuống nhà anh N để xem đất, X nói với P và anh N có việc bận nên không xuống cùng và nói với anh N đóng phong bì tiền đưa cho P để làm chi phí đi lại. Tại đây, P và N bàn bạc về việc thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình anh N. Tuy nhiên, anh N không tin tưởng P có thể làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh N đã liên lạc lại với X nói không muốn nhờ P. X thuyết phục anh N, nói rằng chắc chắn anh P sẽ làm được nên anh N tiếp tục nhờ X và P đứng ra làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó vài ngày, X cùng P, H1 tiếp tục xuống nhà anh N bàn việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi X về nhà, đã liên lạc với N qua điện thoại nói đưa trước số tiền 300 triệu đồng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 12/5/2021, anh N bảo vợ là chị Nguyễn Thị L chuyển số tiền 300 triệu đồng đến tài khoản của X. Ngày

13/5/2021 X chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của chị Đặng Thị Hương T (vợ X) để nhờ chị T rút tiền mặt đưa cho X. Nhận được số tiền trên, X không liên hệ với ai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh N. Sau một thời gian, thấy X không thực hiện được việc như đã hứa nên anh N liên lạc với X yêu cầu trả lại tiền. Ngày 02/11/2021, X đã chuyển khoản trả lại số tiền 100 triệu đồng vào tài khoản của chị L, đến ngày 04/7/2022 X trả tiếp cho anh N 200 triệu đồng.

Tại Cơ quan điều tra, và xét xử sơ thẩm X cho rằng: Sau khi nhận số tiền 300 triệu đồng, X đã đưa hết cho P để P làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh N. Khi X đưa tiền cho P, không có giấy tờ biên nhận, không có ai chứng kiến.

Tuy nhiên anh Lê Tiến P lại lời khai: khoảng đầu tháng 5/2021, X nói với P về việc gia đình anh N có thửa đất ở xã H, thị xã Q muốn bán nên P đã gặp anh N để xem tình trạng thửa đất thì được biết đất chưa có giấy tờ. Anh N nhờ P làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu làm được thì anh N sẽ bán đất cho P với giá rẻ hơn thị trường thì P đồng ý. P đến nhà N tại xã H hai lần để bàn về việc mua bán đất nên không biết gì về việc X nhận 300 triệu đồng của anh N. P cũng không nhận số tiền nào từ N.

Về bồi thường: bị cáo X đã trả lại 300.000.000 đồng cho gia đình anh N, anh N không có yêu cầu bồi thường gì và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho X.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh. Quyết định căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến X 07 (B) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2022, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Ngoài ra Tòa án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22-5-2023 bị cáo Nguyễn Tiến X làm đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại việc bị cáo bị phạt 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là quá nặng, vì chỉ là người giúp bạn bè vô tư khách quan và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02-8-2023, bị cáo X bổ sung kháng cáo cho rằng bị oan, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là không đúng. Vì bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tài sản của anh N. Tuy nhiên bị cáo thừa nhận có nhận của anh N 300.000.000 đồng để giúp anh N làm thủ tục giấy tờ đất đai, số tiền này bị cáo đưa hết cho P nhưng không có gì chứng minh đưa tiền cho P. Bị cáo cũng thừa nhận không biết anh P quen biết ai ở Quảng Ninh, không biết anh P có làm được bìa đỏ không? chưa nhìn thấy anh P làm được bìa đỏ

cho ai? nhưng vẫn giới thiệu cho anh N là anh P làm được giấy tờ đất cho anh N, việc giới thiệu này là sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay (ngày 29/8/2023), bị cáo X cho rằng mình bị oan, vì bị cáo chỉ là người giới thiệu anh N cho anh P. Bị cáo không có ý thức lừa đảo anh N.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện VKSND tỉnh Quảng Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: không chấp nhận nội dung kháng cáo kêu oan của bị cáo X, về hình phạt bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã trả lại hết tiền cho bị hại. Nên đề nghị giảm cho bị cáo một phần hình phạt, xử bị cáo 05 năm tù.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm: về thẩm quyền xét xử, Luật sư cho rằng sự việc xảy ra tại tỉnh Bắc Giang do vậy phải do các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Bắc Giang giải quyết. Về tội danh, Luật sư cho rằng sự việc là quan hệ dân sự, hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm, vì bị cáo không có ý thức lừa đảo chiếm đoạt 300.000.000 đồng của anh N. Anh X chỉ là người giới thiệu anh N cho anh P. Việc làm của bị cáo X là ngay thẳng, sau khi sự việc xảy ra đã trả lại ngay 100.000.000 đồng, đến ngày 04/7/2022 trả tiếp 200.000.000 đồng. Do vậy đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo không phạm tội, trả tự do cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của Luật sư, bị cáo đề nghị minh oan cho bị cáo.

Bị hại không tranh luận với quan điểm của VKS, khẳng định bị cáo X đã lừa đảo anh, nên phải phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị minh oan cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan, sao kê tài khoản, kết quả đối chất và một số chứng cứ khác thì có căn cứ xác định bị cáo X không làm trong cơ quan tổ chức nào, không có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N. Nhưng bị cáo vẫn nhận của anh N 300.000.000 đồng với mục đích để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng mình không phạm tội, nhưng bị cáo thừa nhận không biết anh P quen biết ai ở Quảng Ninh và cũng chưa nhìn thấy anh P làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai? Nhưng bị cáo vẫn nói với anh N rằng anh P quen biết nhiều người ở Quảng Ninh, có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N. Bị cáo thừa nhận việc bị cáo nói như vậy là sai.

Trong quá trình điều tra, đối chất và tại phiên tòa phúc thẩm anh N khai: anh có nhờ X làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình và X đã hứa là làm

được và đưa trước số tiền là 300.000.000đồng, X nói là nhờ anh P nhưng anh N không tin tưởng anh P mà chỉ nhờ X và X đã thuyết phục chắc chắn là làm được, anh N đã có ý không muốn làm nữa thì X thuyết phục anh làm tiếp vì X đã mở lời nhờ anh lớn là anh P rồi. Sau đó, anh N đã bảo chị L là vợ anh N chuyển vào tài khoản của X 300.000.000 đồng vào ngày 12/5/2021 với nội dung “*em N chuyển tiền làm sổ đất*”. Sau một thời gian thấy X không thực hiện được việc như đã hứa nên anh N yêu cầu X trả lại tiền, ngày 02/11/2021, X đã chuyển khoản trả lại số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của chị L, còn lại 200.000.000 đồng đã trả lại ngày 04/7/2022. Việc bị cáo X bị kết tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng, không oan. Khi Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên xét xử, anh có nhận được giấy triệu tập, nhưng lúc đó anh đang trong trại giam, sau xét xử anh có được nhận bản án sơ thẩm. Anh N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo X. Anh không yêu cầu X trả lại tiền, vì X đã trả lại hết 300.000.000 đồng cho anh.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị L (vợ anh N) có lời khai: do anh N quen biết X và X biết gia đình anh N muốn làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên X có nói là có mối quan hệ quen biết nhiều người làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh N đã nhờ X, sau đó X đến nhà anh N ăn cơm, X nói có thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tại thôn D, xã H, thị xã Q với giá 1.200.000.000 đồng và có thể trả tiền cho X làm 3 lần, sau đó vợ chồng anh N thống nhất nhờ X làm, đến ngày 12/5/2021 chị L là vợ anh N chuyển vào tài khoản của X 300.000.000 đồng vào với nội dung “*em N chuyển tiền làm sổ đất*”. Sau một thời gian thấy X không thực hiện được việc như đã hứa nên anh N liên lạc với X yêu cầu trả lại tiền. Ngày 02/11/2021, X đã chuyển khoản trả lại số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của chị L, còn lại 200.000.000 đồng Xuân trả lại ngày 04/7/2022. Đối với đơn đề nghị không ghi ngày, chỉ có ghi tháng 6/2023 mà chị gửi đến ông Chánh án TAND tỉnh Quảng Ninh có nội dung cho rằng Tòa án Quảng Yên xử phạt bị cáo X 07 năm tù, chị rất ân hận vì X là người bạn tốt, phải trả nợ oan 300.000.000 đồng. Đơn này là do chị T vợ bị cáo X viết đưa cho chị ký. Chị T thừa nhận, đơn này là do Luật sư viết đưa cho chị để chị chuyển cho chị L ký. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L khẳng định nội dung đơn kiến nghị này không đúng. Việc Tòa án Q kết luận bị cáo X phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng.

Điều đó chứng tỏ bị cáo đã đưa ra thông tin giả dối đối với anh N, nhằm chiếm đoạt 300.000.000 đồng của anh N. Việc bị cáo cho rằng sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng của anh N, bị cáo đã đưa hết cho anh P để nhờ anh P làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình anh N. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng không có căn cứ xác định bị cáo X đưa 300.000.000 đồng cho anh P. Ngay chính bản thân bị cáo X cũng thừa nhận khi đưa tiền cho anh P, không có giấy tờ biên nhận, không có ai chứng kiến. Ngày 23/3/2023, Viện kiểm sát ghi lời khai của bị cáo X, bị cáo cũng thừa nhận bị cáo không có khả năng làm

được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh P cũng không có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng bị cáo vẫn hứa hẹn với anh N là có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh N và nhận của anh N 300.000.000 đồng nhưng không giúp gì được cho anh N. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh N. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 8; Điều 174 Bộ luật Hình sự, kết luận bị cáo X phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng, không oan. Quan điểm của Luật sư cho rằng đây là quan hệ dân sự là không đúng. Vì hành vi của bị cáo rất nguy hiểm, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt 300.000.000 đồng của anh N. Tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm bị cáo nhận được 300.000.000 đồng của anh N. Việc bị cáo trả lại anh N 300.000.000 đồng chỉ là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Về thẩm quyết xét xử: bị cáo X nói dối anh N tại nhà anh N ở xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, sự việc bị Công an thị xã Q phát hiện, nên thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử thuộc các cơ quan tiến hành tố tụng thị xã Q là đúng pháp luật.

Về hình phạt: xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như, trả lại hết tiền chiếm đoạt, có thành tích trong công tác, gia đình có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Nên chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát.

Về án phí: nội dung kháng cáo được chấp nhận, nên người kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tiến X, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tiến X 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2022 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Tiến X không phải nộp án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q.Ninh;
- CA, VKS, TA, THADS cấp sơ thẩm;
- Cơ quan THAHS CA TX Quảng Yên;
- Bị cáo; bị hại; người tham gia TT khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường